



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ III NĂM 2017

Đà Nẵng, tháng 10 năm 2017

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (30/09/2017)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2017)
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.081.451.816.680	1.062.381.867.374
I. Tiền	110		53.184.051.574	32.184.925.593
1 . Tiền	111	V.01	53.184.051.574	32.064.925.593
2 . Các khoản tương đương tiền	112		-	120.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.944.546.529	45.008.032.865
1 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	13.944.546.529	45.008.032.865
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		440.030.486.412	360.666.595.307
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	365.640.696.622	330.449.913.201
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		59.221.327.742	27.054.285.904
3 . Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		604.800.000	718.800.000
3 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	15.608.521.610	3.723.320.551
4 . Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		(1.044.859.562)	(1.279.724.349)
IV. Hàng tồn kho	140		500.665.833.736	560.129.018.788
1 . Hàng tồn kho	141	V.05	500.665.833.736	560.129.018.788
a . Hàng mua đang đi đường			-	74.821.368.723
b . Nguyên liệu vật liệu tồn kho	142		255.976.915.601	161.107.014.246
c . Công cụ dụng cụ trong kho	143		263.362.860	563.220.887
d . Chi phí SXKD dở dang	144		147.309.551.280	210.693.565.519
e . Thành phẩm tồn kho	145		90.932.513.762	92.932.426.808
f . Hàng hoá tồn kho	146		652.190.156	774.934.648
g . Hàng gửi đi bán	147		5.531.300.077	19.236.487.957
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		73.626.898.429	64.393.294.821
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	12.549.392.750	8.152.043.881
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12	61.044.453.994	56.183.100.183
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		33.051.685	58.150.757

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (30/09/2017)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2017)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		881.211.532.867	855.063.599.138
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.569.900.000	1.608.800.000
1 . Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.04	1.569.900.000	1.608.800.000
II. Tài sản cố định	220		816.465.144.811	790.276.850.106
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	812.194.124.017	786.082.476.684
- Nguyên giá	222		1.514.357.863.171	1.394.364.500.861
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(702.163.739.154)	(608.282.024.177)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.07	4.271.020.794	4.194.373.422
- Nguyên giá	228		10.558.944.973	9.603.617.724
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(6.287.924.179)	(5.409.244.302)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		28.783.080.518	33.472.034.902
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	28.783.080.518	33.472.034.902
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	6.360.702.000	3.060.702.000
1 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.755.702.000	9.355.702.000
2 . Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(6.300.000.000)	(6.300.000.000)
3 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		4.905.000.000	5.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		28.032.705.538	26.645.212.130
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	27.507.380.428	23.144.890.937
2 . Lợi thế thương mại	269		525.325.110	3.500.321.193
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.962.663.349.547	1.917.445.466.512

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (30/09/2017)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2017)
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.561.745.772.816	1.562.189.459.545
I. Nợ ngắn hạn	310		1.029.206.435.728	1.040.409.034.848
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	174.091.245.068	221.080.883.475
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.415.435.491	3.634.719.891
3 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.11	9.729.761.426	8.320.255.899
4 . Phải trả người lao động	314		115.310.236.074	124.578.774.786
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	12.486.191.667	13.265.872.535
6 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	21.707.590.800	17.116.926.838
7 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	647.442.257.294	619.135.048.249
8 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	46.023.717.908	33.276.553.175
II. Nợ dài hạn	330		532.539.337.088	521.780.424.697
1 . Phải trả người bán dài hạn	331	V.10	766.633.000	1.529.133.000
2 . Người mua trả tiền trước dài hạn	332		19.531.960.956	21.942.000.000
3 . Chi phí phải trả dài hạn	333		-	2.496.175.823
4 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	334	V.14	512.240.743.132	495.813.115.874
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		400.917.576.731	355.256.006.967
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	400.917.576.731	355.256.006.967
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		225.000.000.000	165.375.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.000.000.000	165.375.000.000
2 . Quỹ đầu tư phát triển	418		84.867.338.095	74.160.475.589
3 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		49.870.448.919	72.414.835.222
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.618.312.273	(600.687.573)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		45.252.136.646	73.015.522.795
4 . Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		41.179.789.717	43.305.696.156
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.962.663.349.547	1.917.445.466.512

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 10 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

Dặng Thị Oanh Nữ

Dặng Thị Oanh Nữ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Văn Cường

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Trí

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			năm 2017	năm 2016	năm 2017	năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.138.283.303.781	861.731.836.168	2.936.939.051.571	2.303.111.930.979
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		192.152.783	125.089.830	1.472.724.919	429.315.563
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10		1.138.091.150.998	861.606.746.338	2.935.466.326.652	2.302.682.615.416
4. Giá vốn hàng bán	11		1.049.057.077.637	773.330.057.461	2.691.331.191.043	2.081.081.653.255
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		89.034.073.361	88.276.688.877	244.135.135.609	221.600.962.161
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	5.371.999.833	3.901.904.171	19.218.675.027	15.377.920.780
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	(5.028.237.871)	6.098.994.051	20.213.918.080	23.262.301.222
Trong đó: Lãi vay phải trả	23		8.981.095.392	5.638.272.870	28.823.672.413	19.050.013.316
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	(581.445.705)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.4	28.538.731.751	26.003.599.079	90.432.019.407	65.467.387.207
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	37.281.280.694	33.694.651.084	105.925.969.373	92.363.202.542
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21 - 22)+24-(25 + 26)]	30		33.614.298.620	26.381.348.834	46.781.903.776	55.304.546.265
12. Thu nhập khác	31	VI.6	1.073.972.748	523.513.824	1.911.938.026	1.723.244.577
13. Chi phí khác	32	VI.7	866.261.135	691.986.021	2.026.090.690	2.492.398.299
14. Lợi nhuận khác 40 = (31 - 32)	40		207.711.613	(168.472.197)	(114.152.664)	(769.153.722)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50 = 30 + 40)	50		33.822.010.233	26.212.876.637	46.667.751.112	54.535.392.543
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.178.940.501	1.584.220.913	3.963.682.435	3.605.281.093
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51-52)	60		31.643.069.732	24.628.655.724	42.704.068.677	50.930.111.450
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		30.128.191.062	23.303.437.371	45.252.136.646	53.875.668.128
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.514.878.670	1.325.218.353	(2.548.067.969)	(2.945.556.678)

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 10 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Dặng Thị Oanh Nữ

Nguyễn Văn Cường



Dặng Thị Oanh Nữ

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Đức Trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Kỳ tài chính từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		46.667.751.112	54.535.392.543
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		107.438.711.047	78.981.053.144
- Các khoản dự phòng	03		(97.748.023)	(53.988.706)
- Lỗ/ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(42.234.018)	(939.641.253)
- Lỗ/ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(4.644.919.644)	172.373.888
- Chi phí lãi vay	06		28.823.672.413	19.050.013.316
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(13.166.187)	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		178.132.066.700	151.745.202.932
(08 = 01 + 02 + 03 + 04 + 05 + 06)				
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(83.294.382.180)	(113.691.401.658)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		63.145.141.500	(4.791.621.120)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		(66.573.119.796)	(57.574.407.106)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.200.604.811)	(1.235.057.139)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(26.173.845.640)	(17.447.813.066)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.967.481.161)	(3.537.361.115)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		385.019.007	455.450.923
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.528.834.699)	(4.239.589.296)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		52.923.958.920	(50.316.596.645)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017 (Tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Kỳ tài chính từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(157.231.094.528)	(263.339.262.986)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		356.363.636	1.055.522.767
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.330.000.000)	(43.478.420.365)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		31.668.900.000	20.400.700.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		15.300.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, và lợi nhuận được chia	27		2.554.590.214	1.178.344.488
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(112.681.240.678)	(284.183.116.096)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		59.625.000.000	15.860.974.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		2.279.355.104.103	2.181.713.870.309
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.215.637.279.214)	(1.828.609.964.491)
4. Cổ tức, lợi tức đã trả cho chủ sở hữu	36		(42.586.417.150)	(48.488.594.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		80.756.407.739	320.476.285.118
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		20.999.125.981	(14.023.427.623)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		32.184.925.593	33.085.486.764
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	53.184.051.574	19.062.059.141

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 10 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đặng Thị Oanh Nữ

Đặng Thị Oanh Nữ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Văn Cường



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Trí

Nguyễn Đức Trí

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“ Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, trong đó Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ 64,96% vốn. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm sợi, may mặc

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi, chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.
- Sản xuất, buôn bán các sản phẩm cơ khí.
- Cho thuê tài sản cố định và máy móc thiết bị.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, siêu thị, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Gia công kết cấu khung nhà thép các loại, gia công chế tạo, lắp đặt hệ thống thông gió, hệ thống áp lực các loại.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Số liệu báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày trên đây đã được hợp nhất số liệu của Tổng công ty và các công ty con trong toàn tập đoàn, bao gồm:

- Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
- Công ty Cổ phần Thời Trang Hòa Thọ
- Công ty Cổ Phần May Hòa Thọ Quảng Nam
- Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An
- Công ty Cổ phần may Hòa Thọ Duy Xuyên
- Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ Thăng Bình
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây Dựng Hòa Thọ
- Công ty Cổ phần May Hiệp Đức (*)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(*) Tại ngày 18/08/2017, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ đã chuyển nhượng lại toàn bộ số cổ phần của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần May Hiệp Đức, và chính thức hết quyền kiểm soát tại công ty này.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ kế toán:

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Tổng công ty và các công ty con áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam:

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Các Chính sách kế toán áp dụng:

1. Cơ sở hợp nhất:

1.1. Công ty con:

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

1.2. Lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

1.3. Công ty liên kết:

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

1.4. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất:

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại các công ty liên kết này.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày đầu tư, được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiêu ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính chi cho việc tiêu thụ chúng. Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế .

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu , thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định

Khấu hao được tính theo phương đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định , và phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	10 – 25 năm.
- Máy móc và thiết bị:	5 – 15 năm.
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	5 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý:	3 – 5 năm.
- Tài sản khác:	2 – 5 năm.
- Phần mềm máy tính:	3 – 5 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế phát sinh nhưng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải người bán và các khoản phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính:

* Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017

(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

các yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi lại các khoản thu, chi có liên quan hoặc hàng hóa có thể bị trả lại.

* Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

* Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ khi giao dịch đó.

10. Chính sách thuế và các lệ phí nộp ngân sách Nhà nước mà Tổng Công ty đang thực hiện:

- Thuế giá trị gia tăng, áp dụng mức:
 - Thuế suất 0%: áp dụng cho gia công hàng may mặc xuất khẩu, sợi xuất khẩu
 - Thuế suất 5%: áp dụng cho việc bán bông phế.
 - Thuế suất 10%: áp dụng cho việc bán phế liệu ngành may, xơ phế; các loại sản phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất ưu đãi 10%
 - Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp $50\% \times 10\%$ theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 27/03/2007
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: **Đồng Việt Nam**

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

	30/09/2017	01/01/2017
Tiền mặt tại quỹ	205.765.878	216.359.868
_ VND	205.765.878	216.359.868
Tiền gửi ngân hàng	52.978.285.696	31.848.565.725
_ VND	13.461.514.595	20.411.613.755
_ USD	39.509.775.022	11.430.552.394
_ EURO	6.996.079	6.399.576
Tương đương tiền	-	120.000.000
Cộng	53.184.051.574	32.184.925.593

2. Các khoản đầu tư tài chính:

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	13.944.546.529	13.944.546.529	45.008.032.865	45.008.032.865
- Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn 5 năm	4.905.000.000	4.905.000.000	5.000.000	5.000.000
Cộng	18.849.546.529	18.849.546.529	45.013.032.865	45.013.032.865

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

*** Đầu tư vào công ty Liên doanh, liên kết**

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Lãi / lỗ được chia từ công ty liên kết	Giá gốc	Lãi / lỗ được chia từ công ty liên kết
Công ty Cổ phần may Hòa Thọ Phú Ninh	8.500.000.000	(8.500.000.000)	8.500.000.000	(8.500.000.000)
Cộng	8.500.000.000	(8.500.000.000)	8.500.000.000	(8.500.000.000)

*** Đầu tư vào đơn vị khác**

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần Bông Miền Trung	855.702.000	-	855.702.000	-
Công ty Cổ phần bao bì Hòa thọ Quảng Đà	600.000.000	-	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt May Phú Hoà An	-	-	1.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP HCM	6.300.000.000	(6.300.000.000)	6.300.000.000	(6.300.000.000)
Cộng	7.755.702.000	(6.300.000.000)	9.355.702.000	(6.300.000.000)

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

c) Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016</u>
Công ty liên kết - Công ty CP may Hòa Thọ Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	372.986.801	159.945.699
Mua hàng hóa và dịch vụ	35.823.756.061	30.189.639.402
Công ty mẹ - Tập Đoàn Dệt May Việt Nam		
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.213.469.659	10.261.161.940

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:

a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn :

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
<i>HAGGAR CLOTHING CO.</i>	9.006.676.114	28.222.499.338
<i>HULTAFORS GROUP AB</i>	31.719.041.665	14.987.740.227
<i>DESTINATION XL GROUP INC</i>	11.271.777.516	34.381.065.180
<i>MOTIVES (FAR EAST) LIMITED</i>	123.864.755.522	76.923.942.212
<i>SUPREME INTERNATIONAL INC</i>	12.498.135.611	33.241.719.128
<i>GAMAL IBRAHIM AHMED AL OKIYA</i>	22.320.711.682	10.058.209.391
<i>Các khách hàng khác</i>	154.959.598.512	132.634.737.725
Tổng cộng	365.640.696.622	330.449.913.201

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
<i>Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</i>	61.582.328	70.880.129
Tổng cộng	61.582.328	70.880.129

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Phải thu ngắn hạn khác:

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
CBCNV tạm ứng	1.810.746.266		1.713.945.150	-
Ký cược, ký quỹ	11.410.013.600		80.000.000	
Phải thu khác	2.387.761.744		1.929.375.401	-
- Phải thu tiền BHYT, BHXH, BHTN	-		270.325.847	-
- Phải thu khác	2.387.761.744		1.659.049.554	-
Cộng	15.608.521.610	-	3.723.320.551	-

5. Hàng tồn kho:

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-		74.821.368.723	
Nguyên vật liệu	255.976.915.601		161.107.014.246	
Công cụ dụng cụ	263.362.860		563.220.887	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	147.309.551.280		210.693.565.519	
Thành phẩm	90.932.513.762	-	92.932.426.808	-
Hàng hóa	652.190.156	-	774.934.648	-
Hàng gửi đi bán	5.531.300.077		19.236.487.957	
Cộng	500.665.833.736	-	560.129.018.788	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tài sản cố định hữu hình:

Chi tiêu	Nhóm	Nhà cửa kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ							
Số dư tại ngày 01/01/2017		340.503.516.501	931.406.819.260	38.826.091.876	8.102.913.975	75.525.159.249	1.394.364.500.861
Mua mới trong năm		1.661.687.021	15.476.216.742	3.587.979.314	399.360.000	1.189.179.787	22.314.422.864
Chuyển từ XD/CB dở dang		10.085.297.291	123.438.223.795	-	-	19.523.196	133.543.044.282
Thanh lý		-	(2.314.606.176)	(168.181.818)	(596.328.178)	-	(3.079.116.172)
Giảm khác do thanh lý công ty con		(18.665.221.396)	(12.238.110.624)	(308.363.636)	(226.693.400)	(1.346.599.608)	(32.784.988.664)
Số dư tại ngày 30/09/2017		333.585.279.417	1.055.768.542.997	41.937.525.736	7.679.252.397	75.387.262.624	1.514.357.863.171
Giá trị đã hao mòn							
Số dư tại ngày 01/01/2017		92.999.631.878	451.012.266.822	24.168.404.913	4.610.185.931	35.491.534.633	608.282.024.177
Khấu hao trong kỳ		15.345.964.206	76.452.394.278	3.063.099.338	863.389.151	7.771.149.681	103.495.996.654
Thanh lý		-	(2.314.606.176)	(168.181.818)	(570.249.010)	-	(3.053.037.004)
Giảm khác do thanh lý công ty con		(2.224.392.861)	(3.497.795.067)	(185.018.184)	(40.684.540)	(613.354.021)	(6.561.244.673)
Số dư tại ngày 30/09/2017		106.121.203.223	521.652.259.857	26.878.304.249	4.862.641.532	42.649.330.293	702.163.739.154
Giá trị còn lại							
- Số dư tại ngày 01/01/2017		247.503.884.623	480.394.552.438	14.657.686.963	3.492.728.044	40.033.624.616	786.082.476.684
- Số dư tại ngày 30/09/2017		227.464.076.194	534.116.283.140	15.059.221.487	2.816.610.865	32.737.932.331	812.194.124.017
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng							188.001.342.002

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 188.001 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

7. Tài sản cố định vô hình:

	<u>Phần mềm</u>
Nguyên giá	
Số dư tại ngày 01/01/2017	9.603.617.724
Tăng trong kỳ	1.041.427.249
Giảm trong kỳ do thanh lý công ty con	86.100.000
Số dư tại ngày 30/09/2017	<u>10.558.944.973</u>
Khấu hao	
Số dư tại ngày 01/01/2017	5.409.244.302
Tăng trong kỳ	902.010.471
Giảm trong kỳ do thanh lý công ty con	23.330.594
Số dư tại ngày 30/09/2017	<u>6.287.924.179</u>
Giá trị còn lại	
Số dư tại ngày 01/01/2017	4.194.373.422
Số dư tại ngày 30/09/2017	4.271.020.794

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
+ Chi phí đầu tư nhà điều hành	18.548.120.586	641.089.289
+ Chi phí dự án mở rộng NMM 1 + nhà hoàn thành M1	9.531.084.584	5.669.589.559
+ Công trình xây dựng nhà xưởng may thời trang		161.363.635
+ Chi phí dự án mở rộng Cty may HT Đông Hà	509.959.091	1.008.904.547
+ Chi phí xây dựng nhà xưởng Sợi Thăng Bình	-	25.711.906.055
+ Các công trình khác	193.916.257	279.181.817
Cộng	<u>28.783.080.518</u>	<u>33.472.034.902</u>

9. Chi phí trả trước:

	<u>30/09/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
a. Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	12.549.392.750	8.152.043.881
b. Dài hạn:		
Chi phí trả trước dài hạn là công cụ không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ	27.507.380.428	23.144.890.937
c, Lợi thế thương mại	525.325.110	3.500.321.193
Cộng	<u>40.582.098.288</u>	<u>34.797.256.011</u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải trả người bán:

*** Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/09/2017	01/01/2017
- Phải trả người bán ngắn hạn	174.091.245.068	221.080.883.475
- Phải trả người bán dài hạn	766.633.000	1.529.133.000
	174.857.878.068	222.610.016.475

*** Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn:**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/09/2017	01/01/2017
HULTAFORS GROUP AB	20.714.416.846	9.406.862.612
MANHATTAN OUTDOOR WEAR FACTORY LTD	13.276.184.892	1.001.785.780
NAMYANG INTERNATIONAL CO.,LTD	9.632.164.945	-
THE KINGTEX-CORPORATION	5.891.134.550	2.466.047.907
<i>Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</i>	6.329.894.231	
Các nhà cung cấp khác	119.014.082.604	209.735.320.176
	174.857.878.068	222.610.016.475

*** Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/09/2017	01/01/2017
- <i>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</i>	6.329.894.231	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp nhà nước:

a, Thuế và các khoản phải thu nhà nước:

	01/01/2017	Số phát sinh	Số đã nộp	Số bù trừ với thuế phải trả	khác	30/09/2017
Thuế thu nhập DN	9.609.885,00	-				9.609.885,00
Thuế thu nhập cá nhân	39.656.930,00	23.609.425,00				16.047.505,00
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	6.483.668,00			6.483.668,00
Các loại thuế khác	8.883.942,00	7.973.315,00				910.627,00
Cộng	58.150.757,00	31.582.740,00	6.483.668,00	-		33.051.685,00

b, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

	01/01/2017	Số phát sinh	Số đã nộp	Số bù trừ với thuế phải thu	khác	30/09/2017
Thuế GTGT bán hàng nội địa	5.891.691.749	73.307.832.368	(40.066.597.759)	(32.034.243.650)	(224.328.864)	6.874.353.844
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		15.904.868.144	(15.904.868.144)			-
Thuế xuất nhập khẩu		2.324.178.090	(2.324.178.090)			-
Thuế thu nhập cá nhân	42.079.598	2.164.693.354	(2.172.069.546)			34.703.406
Thuế thu nhập DN	2.386.484.552	3.963.682.435	(3.967.481.161)			2.382.685.826
Các loại thuế khác		5.847.992.666	(5.409.974.316)			438.018.350
Cộng	8.320.255.899	103.513.247.057	(69.845.169.016)	(32.034.243.650)	(224.328.864)	9.729.761.426

c, Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ:

	01/01/2017	Số phát sinh	Số đã được hoàn	Số bù trừ với thuế GTGT phải nộp	khác	30/09/2017
Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ	56.183.100.183	126.259.346.835	(89.341.539.953)	(32.034.243.650)	(22.209.421)	61.044.453.994

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí phải trả:

- **Chi phí phải trả chi tiết theo kỳ hạn thanh toán:**

	30/09/2017	01/01/2017
- Ngắn hạn	12.486.191.667	13.265.872.535
- Dài hạn	-	2.496.175.823
	12.486.191.667	15.762.048.358

- **Chi phí phải trả chi tiết theo chi phí:**

	30/09/2017	01/01/2017
Chi phí trích trước DDP, giám sát, thuê, in (VP)	5.553.738.846	9.917.846.225
Chi phí lãi vay	1.677.975.607	3.401.903.565
Chi phí thuê đất	1.249.949.612	
Trích trước chi phí hoa hồng, VC, THC, bảo hiểm (NMS)	3.077.546.360	1.283.640.398
Trích trước chi phí tiền điện, nước, thùng (Đơn vị may)	528.123.305	584.964.258
Các chi phí khác	398.857.937	573.693.912
Cộng	12.486.191.667	15.762.048.358

13. Phải trả ngắn hạn khác:

	30/09/2017	01/01/2017
Kinh phí công đoàn	10.517.563.794	8.727.975.108
Bảo hiểm xã hội	4.387.196.871	744.820.007
Bảo hiểm y tế	842.623.312	116.714.435
Bảo hiểm thất nghiệp	325.327.562	50.164.107
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	27.587.118	91.894.118
Lãi cổ tức phải trả	665.393.547	550.860.697
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.941.898.596	6.834.498.366
Cộng	21.707.590.800	17.116.926.838

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Vay và nợ thuê tài chính:

a, Vay ngắn hạn:

	30/09/2017	Phát sinh trong năm		01/01/2017
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng Công thương Đà Nẵng	146.079.552.685	513.518.269.746	480.642.700.967	113.203.983.906
+ Ngân hàng ĐT & PT Đà Nẵng	108.459.433.388	423.830.684.025	448.669.997.504	133.298.746.867
+ Ngân hàng Quốc tế	51.452.084.543	168.147.680.888	198.345.117.904	81.649.521.559
+ Ngân hàng CP Quân đội	1.839.057.304	1.839.057.304	19.857.438.366	19.857.438.366
+ Ngân hàng Indovina Đà Nẵng	38.158.046.151	175.412.615.904	167.747.557.177	30.492.987.424
+ Ngân hàng HSBC	-	12.613.466.157	12.613.466.157	-
+ Ngân hàng ANZ	4.238.612.730	14.732.329.478	28.280.785.600	17.787.068.852
+ Ngân hàng Ngoại Thương ĐN	147.759.345.627	519.494.868.229	504.769.838.916	133.034.316.314
+ Ngân hàng Kỹ Thương ĐN	110.832.225.184	402.894.296.392	316.604.995.445	24.542.924.237
+ Ban liên lạc hưu trí	157.360.000	-	-	157.360.000
+ Ngân hàng CP Quân đội Hiệp Đức	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Ngân hàng Đầu tư Hội An	6.713.624.127	22.868.960.235	21.362.721.485	5.207.385.377
Cộng	615.689.341.739	2.255.352.228.358	2.203.894.619.521	564.231.732.902

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

b, Vay dài hạn:

	30/09/2017	Phát sinh trong năm		01/01/2017
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng Công thương Đà Nẵng	200.385.770.545	55.837.607.448	17.891.802.101	162.439.965.198
+ Ngân hàng TMCP Quốc Tế	4.256.595.792	7.231.579	685.604.047	4.934.968.260
+ Vay dài hạn NH Indovina	3.714.681.861	6.362.833	631.249.472	4.339.568.500
+ Vay dài hạn NH Ngoại Thương Đà Nẵng	42.779.755.022	73.272.307	7.266.796.770	49.973.279.485
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội	9.993.231.112	18.432.951	2.532.723.207	12.507.521.368
+ Tập đoàn DMVN (Dự án ADB)	211.423.900.852	4.641.297.442	499.299.036	207.281.902.446
+ Kuraray	15.939.000.000	26.700.000	2.326.900.000	18.239.200.000
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Quảng Nam	18.068.271.796	-	-	18.068.271.796
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Quảng Nam	677.331.054	-	-	677.331.054
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Hội An	2.802.205.098	3.000.000.000	450.000.000	252.205.098
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Quảng Nam(DX)	2.200.000.000	-	-	2.200.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội Quảng Nam(Hiệp đức)	-	-	14.898.902.669	14.898.902.669
Cộng	512.240.743.132	63.610.904.560	47.183.277.302	495.813.115.874

c, Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng:

	30/09/2017	Phát sinh trong năm		01/01/2017
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Các khoản vay dài hạn hoàn trả trong vòng 12 tháng	31.752.915.555	31.523.678.541	54.674.078.333	54.903.315.347

Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu, hàng tồn kho, và tài sản cố định của Tổng công ty

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu:

a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2016	157.500.000.000	62.951.415.897	70.764.097.441	39.347.362.722	330.562.876.060
- Tăng vốn trong năm	7.875.000.000			8.000.399.792	15.875.399.792
- Phân bổ vào các quỹ		11.209.059.692	(11.209.059.692)		-
- Lãi trong năm			75.969.372.121	(4.724.885.872)	71.244.486.249
- Cổ tức			(47.250.000.000)	(1.539.900.000)	(48.789.900.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi			(13.070.495.504)	(244.018.563)	(13.314.514.067)
- Tăng do mua công ty con trong kỳ				2.622.427.190	2.622.427.190
- Biến động khác			(2.789.079.144)	(155.689.113)	(2.944.768.257)
Số dư tại 31/12/2016	165.375.000.000	74.160.475.589	72.414.835.222	43.305.696.156	355.256.006.967
Số dư tại 01/01/2017	165.375.000.000	74.160.475.589	72.414.835.222	43.305.696.156	355.256.006.967
- Tăng vốn trong năm	59.625.000.000				59.625.000.000
- Phân bổ vào các quỹ		10.706.862.506	(10.706.862.506)		-
- Lãi trong năm			45.252.136.646	(2.548.067.969)	42.704.068.677
- Cổ tức			(41.343.750.000)	(1.357.200.000)	(42.700.950.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi			(15.745.910.443)	(145.069.982)	(15.890.980.425)
- biến động do thanh lý công ty con				1.924.431.512	1.924.431.512
Số dư tại 30/09/2017	225.000.000.000	84.867.338.095	49.870.448.919	41.179.789.717	400.917.576.731

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

b, Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

	30/09/2017	01/01/2017
Vốn góp của Tập đoàn Dệt may Việt Nam	146.156.210.000	107.424.820.000
Vốn góp của các đối tượng khác	78.843.790.000	57.950.180.000
Cộng	225.000.000.000	165.375.000.000

c, Cổ phiếu:

	30/09/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.500.000	16.537.500
- Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	16.537.500
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.500.000	16.537.500
- Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	16.537.500
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi:

	Quỹ khen thưởng phúc lợi
Số dư tại ngày 01/01/2017	33.276.553.175
Trích lập trong năm từ lợi nhuận thuần	15.890.980.425
Tăng khác trong kỳ	385.019.007
Sử dụng trong kỳ	(3.528.834.699)
Số dư tại ngày 30/09/2017	46.023.717.908

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Các yếu tố ngoài bảng cân đối kế toán:

- Vật tư, hàng hóa nhận gia công giữ hộ:

Khách hàng	Chủng loại	ĐVT	Số lượng
AGABANG/ CT8051	Vải lót 100% Poly Tricot K57/60"	yard	2.944,5
	Vải 100% Poly K57/60"	yard	8.938,6
	Vải 92%Poly 8% Spandex K57/60"	yard	6.835,4
	Vải lót lưới 100% Poly K57/60"	yard	5.258,0
	Dây kéo	chiec	42.064,0
	Đầu trang trí dây kéo	chiec	42.064,0
	Nút chận	chiec	21.032,0
	Nhãn chính vải	chiec	10.516,0
	Nhãn các loại vải	chiec	21.032,0
	Nhãn chính giấy	chiec	10.516,0
	Nhãn các loại giấy	chiec	21.032,0
	Dây luồn /Yard	yard	15.774,0
	Chỉ may (cuộn = 5000m)	cuon	1.367,1
	Mắt cáo	SET	63.096,0
	Dây dệt	yard	1.219,9
	Băng nhám	yard	2.103,2
	Băng nhám	set	10.516,0
	Dây treo thẻ bài	chiec	10.516,0
AGABANG/ CT- 8084	Nhãn su	SET	103.473,0
	Dây trang trí	PCS	413.892,0
	Mắt cáo	SET	413.892,0
	Dây thun	yard	306.593,0
	Băng nhám	yard	21.320,0
	Nút chận	PCS	206.945,0
	Dây kéo	PCS	410.234,0
	Chỉ may	CONE	7.006,0
	Nhãn chính vải	PCS	103.473,0
	Nhãn các loại vải	PCS	310.419,0
	Nhãn các loại giấy	PCS	206.946,0
	Vải chính 92% Polyester 8% Spandex , K57/59"	yard	140.810,0
	Vải lót 100% POLYESTER, K58/60"	yard	70.290,0
	THÙNG CARTON	PCS	7.355,0
	Bao PE	PCS	7.355,0
Dây đai	cuộn	21,0	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Khách hàng	Chủng loại	ĐVT	Số lượng
AGABANG/ 17 STYLES	Vải chính 100% POLYESTER, K58/60"	yard	3.221,0
	Vải lót 100% POLYESTER K58/60"	yard	2.399,0
	Dụng K58/60"	yard	137,0
	Dây kéo	chiec	3.744,0
	Nhãn chính vải	chiec	1.236,0
	Nhãn các loại vải	chiec	2.472,0
	Dây dệt	set	1.212,0
	Dây luồn	yard	6.684,0
	Mắt cáo	set	3.708,0
	Nút chặn	chiec	2.448,0
	chỉ may	cuon	152,0
	Nhãn các loại giấy	chiec	2.448,0
	Móc	chiec	1.236,0
	Nút đóng	set	1.236,0
	THE KINGTEX	Vải chính 100% polyester 57-59"	YDS
Vải lót 100% Polyester K57/60"		YDS	34.565,0
Thun		YDS	43.748,0
Nút chặn		PCS	1.454,0
Dây kéo		PCS	8.803,0
Đạn nhựa		PCS	47.987,0
Dây lưng		PCS	48.064,0
Bao nylon		PCS	48.064,0
Dây dệt		YDS	89,4
Nhãn chính vải		PCS	48.064,0
Nhãn phụ vải		PCS	48.064,0
Nhãn chính giấy		PCS	-
Nhãn phụ giấy		PCS	144.192,0
Nhãn ép nhiệt		PCS	95.974,0
TAMURAKOMA	Vải 100% Poly K57/60"	m	5.575,0
	Vải lưới 100% polyester tricot K 57/60"	m	3.100,0
	Dây kéo	PCS	7.130,0
	Dây dệt	Met	900,0
	Băng nhám	SET	7.110,0
	Dây viền	Met	6.300,0
	Nhãn các loại vải	PCS	14.350,0
	Nhãn chính vải	PCS	14.400,0
	Dụng	Met	840,0
	Bao nylon	PCS	7.100,0

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Khách hàng	Chủng loại	ĐVT	Số lượng	
	Nhãn các loại giấy	PCS	14.150,0	
	Dây treo thẻ bài	PCS	7.000,0	
SAE-A	Vải lót 100% Poly Tricot K57/60"	yard	5.925,0	
	Vải 90% Poly 10% Spandex K57/60"	yard	48.419,0	
	Dụng	yard	2.208,0	
	Dây kéo	chiec	80.166,0	
	Đầu trang trí dây kéo	chiec	79.760,0	
	Nhãn chính vải	chiec	20.000,0	
	Nhãn các loại vải	chiec	60.672,0	
	Nhãn chính giấy	chiec	20.000,0	
	Nhãn các loại giấy	chiec	79.936,0	
	Chỉ may (cuộn = 5000m)	cuon	2.476,0	
	Dây dệt	yard	1.974,0	
	Dây treo thẻ bài	chiec	114.455,0	
	Vải lót 100% Poly K57/60"	yard	29.583,0	
	Dây đai thùng	cuon	2,0	
	ELAND	Vải 100% Polyester K57/60"	yard	14.061,0
		Vải lót 100% Polyester K57/60"	yard	7.497,0
		Gòn	yard	3.912,0
Dụng		yard	1.472,0	
Dây luồn		yard	6.982,0	
Dây dệt		yard	3.837,0	
Thun		yard	12.270,0	
Nhãn chính vải		chiec	10.000,0	
Nhãn các loại vải		chiec	20.000,0	
Nhãn chính giấy		chiec	10.000,0	
Nhãn các loại giấy		chiec	20.000,0	
Chỉ may		cuon	959,0	
Dây treo thẻ bài		chiec	10.000,0	
Dây kéo		chiec	38.913,0	
Nút các loại		chiec	63.998,0	
Nút chặn		chiec	10.040,0	
Mắt cáo		bo	20.080,0	
Băng nhám		chiec	32.648,0	
Lông vịt		KGS	8.720,0	
Đầu trang trí dây kéo		chiec	38.913,0	
RUENTEX	Vải 60% Cotton 40% Polyester 64"	KGM	31.780,3	
	Nhãn ép	Pcs	134.680,0	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Khách hàng	Chủng loại	ĐVT	Số lượng	
	Nút	Pcs	3.024,0	
	Nhãn phụ vải	Pcs	166.116,0	
	Nhãn phụ giấy	Pcs	160.422,0	
SANMAR	Vải chính 8CN-0216-5, 100% POLYESTERSport wick fleece, wicking & anti-static, 58" CW x 185-195G/M2	Yrd	6.459,0	
	Mắt cáo	Pcs	1.500,0	
BOKYOUNG	Vải chính Nylon 88%, Polyurethane 12% 56"	yard	2.388,4	
	Vải chính Polyester 95%, Polyurethane 5% (C1) 56"	yard	1.110,0	
	Vải chính 100% Polyester (C2) 58"	yard	466,2	
	Vải chính 100% Polyester (C3) 60"	yard	85,5	
	Vải chính 100% Polyester (C6) 60"	yard	999,8	
	Dụng	yard	644,3	
	Khoen chữ D	pcs	1.109,9	
	Thẻ bài	pcs	1.109,9	
	Dây kéo	pcs	8.885,0	
	Nhãn chính	pcs	1.109,9	
	Nhãn vải	pcs	4.443,3	
	Nhãn trang trí	pcs	1.109,9	
	Móc quần	pcs	1.111,0	
	Đầu trang trí dây kéo	pcs	1.109,9	
	Dây luồn	yard	2.220,9	
	Dây dệt	yard	1.155,3	
	Băng nhám	yard	155,5	
	Thun	yard	788,7	
	Nút đóng	pcs	4.443,2	
	Nút khuy	pcs	2.221,0	
	Đinh tán	pcs	4.443,2	
	Chỉ	yard	174.900,0	
	KURARAY	Vải chính các loại	m	235.720,0
		Vải lót các loại	m	89.191,2
		Vải phối các loại	m	63.708,0
		Nút các loại	Pcs	382.248,0
Dây kéo các loại		Pcs	254.832,0	
Nhãn các loại		Pcs	382.248,0	
Băng nhám các loại		Pcs	254.832,0	
Dây dệt		m	203.865,6	
Dây thun		m	140.157,6	
Bao nylon		Pcs	127.416,0	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Khách hàng	Chủng loại	ĐVT	Số lượng	
	Đạn bắn	Pcs	127.416,0	
TOPTEx 5.11	Vải chính các loại	Yds	14.317,0	
	Vải lót + phối các loại	Yds	1.431,0	
	Dụng các loại	Yds	1.317,0	
	Nút nhựa chiếc các loại	Pcs	85.905,0	
	Nhãn các loại	Pcs	57.270,0	
	Băng nhám	yds	3.693,0	
	Băng nhám	Pcs	-	
	Bao nylon	Pcs	4.800,0	
	Hạt chống ẩm	Pcs	7.727,0	
	Chân cổ	Pcs	7.727,0	
	Đạn nhựa	Pcs	5.727,0	
	Kẹp áo các loại	Pcs	12.840,0	
	MARUBENI	Dụng các loại	MET	96.000,0
		Vải chính các loại	MET	480.000,0
vải lót các loại		MET	144.000,0	
Dây dịnh(băng nhám)		CHIẾC	640.000,0	
Dây dịnh (băng nhám)		MET	128.000,0	
Dây dịnh (băng nhám)		BỘ	320.000,0	
Bao nylon		CHIẾC	64.000,0	
Dây Viên		MET	265.280,0	
Đạn nhựa		CHIẾC	320.000,0	
Dây kéo		CHIẾC	160.000,0	
Dây luông		MET	160.000,0	
Thun		MET	160.000,0	
Gói chống ẩm		CHIẾC	12.800,0	
Móc quần		BỘ	160.000,0	
Nhãn các loại		CHIẾC	640.000,0	
Nút các loại		CHIẾC	640.000,0	
SUPREME RICH		VẢI 100% Cotton KHỔ 58/60"	YRD	20.380,9
	VẢI 100% Polyester KHỔ 58/60"	YRD	58.986,9	
	VẢI 55% Cotton, 45% Polyester KHỔ 58/60"	YRD	41.202,3	
	VẢI 67% Cotton, 33% Polyester KHỔ 58/60"	YRD	176,7	
	Nút nhựa	PCE	571.392,0	
	Cà vạt 100% Polyester	PCE	21.742,0	
	Nhãn chính vải	PCE	54.297,0	
	Nhãn phụ giấy	PCE	15.408,0	
Dây kéo	PCE	24.216,0		

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Khách hàng	Chủng loại	ĐVT	Số lượng
	MÓC QUẦN	SET	25.912,0
	VẢI 100% Cotton KHỔ 55/57"	YRD	22.173,0
	VẢI 55% Linen, 45% Cotton Linen KHỔ 54/56"	YRD	1.667,0
	VẢI 100% Polyester KHỔ 66/68"	YRD	178,1
	VẢI 100% Polyester KHỔ 44/46"	YRD	652,2
JUSTIN ALLEN	Vải chính 100% Cotton K62/67"	YARD	5.050,0
	Vải chính 100% Tencel Dyed K57/58"	YARD	35.716,0
	Vải chính 100% Tencel Dyed K57/58"	YARD	16.574,0
	Dụng	YARD	850,0
	Thun	YARD	152.050,0
	Dây luồn	YARD	78.560,0
	Nút	CHIEC	220.000,0
	Nhãn phụ vải	CHIEC	228.000,0
	Nhãn phụ giấy	CHIEC	88.507,0
	Chỉ may	YARD	8.311,0
	Vải chính 94% MODEL 6% SPANDEX	KGS	13.294,9
	75% RAYON 20% POLYESTER 5% SPANDEX KNIT FABRIC	KGS	4.824,0
	54% COTTON 46%POLYESTER KNIT FABRIC, khổ 64/66"	KGS	7.653,0
	Vải 65% POLYESTER 35% COTTON KNIT 57/59"	KGS	1.582,2
	Vải chính 60% cotton 40% polyester - 65" - 67"	KGS	2.197,0
	Móc treo	CHIEC	224.280,0
	Cạp móc	CHIEC	225.600,0
	Bìa lưng	PCS	100.000,0
	Băng nhám	MET	6.165,0
	TAM QUAN	Vải chính các loại	MET
Dụng		MET	100,0
Vải phối		MET	3.307,0
Thun		yard	45.000,0
Nhãn các loại vải		chiec	120.450,0
Chỉ may		cuon	80.000,0
Móc treo		chiec	118.427,0
LOGO VN	Vải chính các loại	Yds	5.600,0
	Vải lót các loại	Yds	8.520,0
	Dây luồn	Yds	800,0
	Nhãn các loại	Pcs	5.200,0
	Nút các loại	Set	500,0
	Chỉ may	Cone	200,0

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Khách hàng	Chủng loại	ĐVT	Số lượng	
QUẢNG VIỆT	Mắt cáo	Set	1.000,0	
	Dây dệt	Pcs	800,0	
	Vải chính các loại	m	58.448,0	
	Vải lót các loại	m	27.198,0	
	Keo giấy	yard	2.670,0	
	Vải phối các loại	m	131.637,0	
	seam	m	332.862,0	
	Nút các loại	Pcs	389.298,0	
	Mắt cáo	Pcs	154.238,0	
	Dây kéo các loại	Pcs	79.182,0	
	Nhãn các loại	Pcs	789.822,0	
	Băng nhám các loại	Pcs	2.632,0	
	Dây dệt	m	55.340,0	
	Gai xù	m	19.280,0	
	Dây thun	m	12.402,0	
	Bao nylon	Pcs	97.182,5	
	Đạn bắn	Pcs	97.182,5	
	Tổng cộng			17.199.863,13

Tất cả các loại vật tư nhận giữ hộ này đều đảm bảo cho sản xuất.

• Ngoại tệ các loại:

	30/09/2017		01/01/2017	
	Nguyên tệ	VNĐ	Nguyên tệ	VNĐ
USD	1.746.488,83	39.509.775.022	503.355,87	11.430.552.394
EUR	262,41	6.996.079	268,96	6.399.576

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

a, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016</u>
+ Doanh thu bán hàng	2.934.656.186.546	2.302.308.755.147
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	887.892.942	19.331.640
+ Doanh thu khác	1.394.972.083	783.844.192
Cộng	<u>2.936.939.051.571</u>	<u>2.303.111.930.979</u>

b, các khoản giảm trừ doanh thu:

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016</u>
Giảm giá hàng bán	992.544.026	-
Hàng bán bị trả lại	480.180.893	429.315.563
Cộng	<u>1.472.724.919</u>	<u>429.315.563</u>

2. Doanh thu hoạt động tài chính:

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay,	2.577.103.878	968.344.488
Chiết khấu thanh toán	224.743.729	185.200.269
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.637.062.104	13.074.734.770
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	42.234.018	939.641.253
Lợi nhuận được chia	210.000.000	210.000.000
Doanh thu tài chính khác	1.527.531.298	-
Cộng	<u>19.218.675.027</u>	<u>15.377.920.780</u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Chi phí tài chính:

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016</u>
Chi phí lãi tiền vay	28.823.672.413	19.050.013.316
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	5.086.372.656	4.432.320.977
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(13.700.000.000)	(220.033.071)
Chi phí tài chính khác	3.873.011	
Cộng	20.213.918.080	23.262.301.222

4. Chi phí bán hàng:

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016</u>
Chi phí nhân viên	5.649.508.673	4.954.042.754
Chi phí vật liệu, bao bì	1.493.645.837	3.053.194.045
Chi phí dụng cụ đồ dùng	4.599.507.649	4.390.854.265
Chi phí khấu hao TSCĐ	188.325.000	105.239.839
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.185.461.235	44.118.223.495
Chi phí bằng tiền khác	11.315.571.013	8.845.832.809
Cộng	90.432.019.407	65.467.387.207

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp:

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016</u>
Chi phí nhân viên	61.514.894.094	51.295.908.642
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.138.672.790	4.493.419.604
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.807.124.346	3.861.542.928
Thuế, phí và lệ phí	2.009.761.664	1.956.369.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.571.179.189	13.260.313.463
Chi phí bằng tiền khác	19.884.337.290	17.495.648.489
Cộng	105.925.969.373	92.363.202.542

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Thu nhập khác:

	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	330.284.468	-
Các khoản thu khác	1.581.653.558	1.723.244.577
Cộng	1.911.938.026	1.723.244.577

7. Chi phí khác:

	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
Chi phí từ thanh lý TSCĐ	-	769.272.671
Các khoản chi khác	2.026.090.690	1.723.125.628
Cộng	2.026.090.690	2.492.398.299

8. Báo cáo bộ phận:

Một bộ phận là một phần không thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Tổng công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Tổng công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

Tổng công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Vương quốc Anh
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Việt Nam
- Các vùng địa lý khác.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000.000 đồng

	Trung Quốc		Hoa Kỳ		Vương Quốc Anh		Nhật Bản		Châu Phi		Việt Nam		Các vùng địa lý khác		Hợp nhất	
	9T2017	9T2016	9T2017	9T2016	9T2017	9T2016	9T2017	9T2016	9T2017	9T2016	9T2017	9T2016	9T2017	9T2016	9T2017	9T2016
Tổng doanh thu của bộ phận	911.501	716.713	358.548	327.334	99.438	209.064	312.898	238.853	229.881	143.206	231.917	195.074	792.756	472.869	2.936.939	2.303.112
Kết quả kinh doanh của bộ phận	36.718	24.111	49.942	51.426	5.766	13.151	29.817	22.106	15.078	12.611	35.073	63.633	71.741	34.563	244.135	221.601
Thu nhập không phân bổ															19.219	15.378
Chi phí không phân bổ															216.572	181.674
Kết quả từ hoạt động kinh doanh															46.782	55.305
Thu nhập khác															1.912	1.723
Chi phí khác															2.026	2.492
Thuế TNDN															3.964	3.605
Lợi nhuận thuần sau thuế															42.704	50.930

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Trung Quốc		Hoa kỳ		Vương Quốc Anh		Nhật Bản		Châu Phi		Việt Nam		Các vùng địa lý khác		Hợp nhất	
	30/09/17	01/01/17	30/09/17	01/01/17	30/09/17	01/01/17	30/09/17	01/01/17	30/09/17	01/01/17	30/09/17	01/01/17	30/09/17	01/01/17	30/09/17	01/01/17
Tài sản của bộ phận	153.082	90.193	27.330	76.812	655	12.991	16.383	25.267	51.030	35.820	33.200	29.458	83.961	59.909	365.641	330.450
Giá trị còn lại của tài sản không phân bổ															1.597.023	1.586.996
Tổng tài sản															1.962.663	1.917.445
Nợ phải trả của bộ phận	19.532	23.019	-	-	-	-	-	-	23	2.427	1.474	-	918	131	21.947	25.577
Các khoản nợ không phân bổ															1.539.798	1.536.613
Tổng nợ phải trả															1.561.746	1.562.189
	Trung Quốc		Hoa kỳ		Vương Quốc Anh		Nhật Bản		Châu Phi		Việt Nam		Các vùng địa lý khác		Hợp nhất	
	9T2017	9T2016	9T2017	9T2016	9T2017	9T2016	9T2017	9T2016	9T2017	9T2016	9T2017	9T2016	9T2017	9T2016	9T2017	9T2016
Chi tiêu vốn															157.231	263.339
Khấu hao tài sản cố định hữu hình															103.496	77.624
Khấu hao tài sản cố định vô hình															902	942

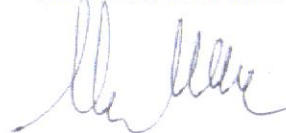
Đà Nẵng, ngày 25 tháng 10 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đặng Thị Oanh Nữ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Văn Cường

TỔNG GIÁM ĐỐC




Nguyễn Đức Trí